

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2021/DS-PT

Ngày: 25-11-2021

V/v: “Tranh chấp Quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 306/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Tô T, sinh năm; 1964, bà Lê TH, sinh năm: 1965; cư trú tại xóm Y, thôn AB, xã A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Tô N, sinh năm: 1955; cư trú tại thôn C, xã A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trịnh Thị H, sinh năm: 1955; cư trú tại thôn C, xã A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Tô N - Bị đơn, bà Trịnh Thị H - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội đơn khởi kiện ghi ngày 06/01/2020, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của vợ chồng ông Tô T, bà Lê TH thì: Ngày 06/8/1992 vợ chồng ông Tô T, bà Lê TH nhận chuyển nhượng của vợ chồng

ông Vũ XL, bà Phạm Thị H1 01 thửa đất có chiều rộng mặt đường Quốc lộ 20 là 10m, chiều dài hết thửa đất, tứ cận: Đông giáp vườn ông Tô N, Tây giáp giếng nước, Nam giáp Quốc lộ 20, Bắc giáp lô trà nông trường, giá chuyển nhượng là 2.500.000đ, việc chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân xã A, huyện X xác nhận.

Ngày 27/12/1994 vợ chồng ông Tô T, bà Lê TH nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Vũ XL, bà Phạm Thị H1 01 thửa đất có chiều rộng mặt đường Quốc lộ 20 là 10m, chiều rộng phía sau 11m, dài hết thửa đất 100m, tứ cận: Đông giáp ông Trung, Tây giáp ông Đường, Nam giáp Quốc lộ 20, Bắc giáp lô trà Nông trường 26/3, giá chuyển nhượng 27 chỉ vàng thị trường.

Cùng ngày 27/12/1994 ông Vương TT cũng nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Vũ XL, bà Phạm Thị H1 01 thửa đất có chiều rộng mặt đường Quốc lộ 20 là 5m, dài hết đất, nằm giữa 2 thửa đất của vợ chồng ông, bà, khi chuyển nhượng ông XL có chỉ ranh giới và cắm mốc rõ ràng.

Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông XL đã giao đất Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông, bà tự đi làm thủ tục sang tên, đến ngày 14/4/2000 Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất gồm 02 thửa: thửa 50, tờ bản đồ 30, diện tích 794m²; thửa 104, tờ bản đồ 31, diện tích 823m². Vợ chồng ông, bà sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay, không tranh chấp.

Năm 2018, khi cơ quan chức năng tiến hành đo vẽ lại hiện trạng sử dụng đất thì xảy ra tranh chấp. Hiện nay phần đất tranh chấp có diện tích 4,34m² nằm ở thửa 104 gồm 02 thửa nhỏ: Thửa 01 có diện tích 4m² (có chiều rộng theo quốc lộ 20 là 0,36m và chiều dài là 12,8m) và thửa 02 có diện tích 0,34m² (có chiều rộng mặt sau là 0,3m và chiều dài là 2,3m). Diện tích đất trên đã bị vợ chồng ông Tô N lấn chiếm nên nay vợ chồng ông, bà có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Tô N phải trả lại diện tích đất nói trên.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Tô N, bà Trịnh Thị H thì: Ngày 27/4/1992 vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn T 01 thửa đất thổ cư và nhà ở có diện tích 1.500m², có chiều rộng mặt đường Quốc lộ 20 là 27,5m với giá 12 chỉ vàng, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện X xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng, vào năm 1993 vợ chồng ông, bà đã chuyển nhượng lại một phần diện tích đất cho 03 người gồm Lê TC, Vũ TV, Hoàng VT và đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, phần diện tích đất còn lại vợ chồng ông, bà đăng ký kê khai, đến ngày 14/4/2000 được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa 53, tờ bản đồ 30, diện tích 725m², trong đó có 400m² đất thổ cư. Vào năm 2018 khi cơ quan chức năng tiến hành đo vẽ lại hiện trạng sử dụng đất, phát hiện đất của vợ chồng ông, bà sử dụng còn thiếu so với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp nên vợ chồng ông, bà có ra đóng cọc 0,3cm để chừa đường nước chảy, nay nguyên đơn đòi lại phần diện tích đất tranh chấp trên thì vợ chồng ông, bà không đồng ý vì diện tích đất trên nằm

trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho vợ chồng ông, bà.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 36/2021/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2021; Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Tô T, bà Lê TH về việc tranh chấp Quyền sử dụng đất.

Công nhận diện tích đất tranh chấp 4,34m² (gồm 02 thửa nhỏ lần lượt có diện tích là 04m² và 0,34m²) là thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Tô T, bà Lê TH (kèm đo đạc chính lý bản đồ địa chính lập ngày 23/3/2021).

Đối với phần diện tích đất 119,1m², sổ đỏ cấp không đúng với thực tế sử dụng đất, các đương sự có nghĩa vụ đến chính quyền địa phương đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/6/2021, vợ chồng ông Tô N, bà Trịnh Thị H có đơn kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Vợ chồng ông Tô N, bà Trịnh Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Nguyên đơn đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng ông Tô T, bà Lê TH khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tô N phải trả lại diện tích đất 4,34m² thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng mà cơ quan chức năng đã cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông, bà. Ông Tô N không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Diện tích đất thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc do nguyên đơn nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Vũ XL, bà Phạm Thị H1 ngày 06/8/1992; theo đó thửa đất này có chiều rộng mặt đường Quốc lộ 20 là 10m, chiều dài hết đất, có tứ cận: Đông giáp vườn ông Tô N, Tây giáp giếng nước, Nam giáp Quốc lộ 20, Bắc giáp lô trà nông trường, giá chuyển nhượng là 2.500.000đ. Đến ngày 14/4/2000 thì nguyên đơn được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P761024 trong đó có thửa 104, tờ bản đồ 31 với diện tích là 823m².

Đối với đất bị đơn đang sử dụng thì có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn T vào năm 1992 với diện tích 1.500m², giá chuyển nhượng là 2.000.000đ. Sau khi nhận chuyển nhượng thì đến năm 1993 bị đơn đã chuyển nhượng lại cho bà Trần TC 172m², bà Vũ TV 264m² và ông Hoàng VT 22m². Phần diện tích đất còn lại thì vào năm 2000 bị đơn làm thủ tục kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P 761333 đối với diện tích đất 725m² thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã A, huyện X.

Vợ chồng ông T, bà TH cho rằng vào năm 2018 khi cơ quan chức năng tiến hành đo đạc lại hiện trạng sử dụng đất, phát hiện đất còn thiếu so với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp nên vợ chồng ông N, bà H đã ra đóng cọc lấn chiếm diện tích 4,34m² của gia đình ông, bà nên nay yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm trên.

[2.2] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành đo đạc, thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ diện tích đất của các đương sự. Các đương sự đều thống nhất sử dụng kết quả đo vẽ này để làm căn cứ giải quyết vụ án và không yêu cầu đo vẽ lại. Căn cứ theo họa đồ đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X thực hiện ngày 22/3/2021 thì thửa 104 mà nguyên đơn đang sử dụng có diện tích là 779,8m²; thửa 53 mà bị đơn đang sử dụng có diện tích là 606m²; chiều ngang mặt tiền của lô đất thuộc thửa 53 là 10,33m; chiều ngang mặt sau là 4,95m; tổng chiều ngang mặt tiền của 03 lô đất thuộc các thửa 50, 54, 104 mà nguyên đơn đang sử dụng là 24,5m; tổng chiều ngang mặt sau là 26,7m; phần diện tích đất các bên đang tranh chấp gồm 02 phần: phần số 1 có diện tích 04m² có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 20 là 0,36m, phần số 2 có diện tích 0,34m² có chiều ngang mặt sau là 0,3m.

Căn cứ trang 4 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P 761021 cấp cho hộ ông (bà) Tô T thì ngày 27/9/2016 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X đã tiến hành chỉnh lý nội dung: “Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30 thay đổi diện tích thành 1.000m² và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 31 thay đổi diện tích thành 645m², nhà nước thu hồi 135,2m², diện tích đất còn lại là 846,8m² (trong đó 295,8m² đất ở (ONT) và 551m² đất (CLN) tại thửa 50 tờ bản đồ số 30 theo Quyết định số 1683/QĐ-UB ngày 27/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện X”. Như vậy, theo nội

dung chính lý này thì diện tích của thửa 104, tờ bản đồ số 31 chỉ còn lại 645m². Tuy nhiên theo kết quả đo đạc chính lý bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X thực hiện ngày 22/3/2021 thì thửa số 104, tờ bản đồ số 31 có diện tích là 779,8m². Ngoài ra nguyên đơn đang sử dụng 119,1m² thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 30 (cũ) đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bị đơn; phần còn lại của thửa 53 mà bị đơn đang sử dụng có diện tích là 606m².

Như vậy, chưa tính phần diện tích 119,1m² thuộc thửa đất số 53 mà nguyên đơn đang sử dụng; phần đất thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 31 mà nguyên đơn đang sử dụng có diện tích 779,8m², thửa 134,8m² so với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp còn đất bị đơn đang sử dụng lại thiếu 119m² so với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp. Bên cạnh đó chiều ngang mặt tiền của cả gia đình nguyên đơn và bị đơn đều thiếu; cụ thể nguyên đơn thiếu 0,5m (25m-24,5m); bị đơn thiếu 1,67m (12m-10,33m); chiều ngang phía sau nguyên đơn thiếu 1,8m (28,5m – 26,7m); bị đơn thiếu 0,05m (5m-4,94m).

Qua đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì mặc dù đất của các bên đều thiếu; tuy nhiên hình thể của họa đồ đo đạc chính lý bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X thực hiện ngày 22/3/2021 so với trích lục bản đồ có sự biến động và khác nhau nên cần giữ nguyên hiện trạng sử dụng của các bên; cấp sơ thẩm nhận định diện tích đất thực tế mà các bên đang sử dụng thiếu so với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp nhưng lại buộc bị đơn phải trả lại đất tranh chấp cho nguyên đơn là không có cơ sở.

[2.3] Đối với phần diện tích đất 119m² nguyên đơn đang sử dụng nhưng lại nằm trong phần diện tích được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bị đơn; cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào việc nguyên đơn đang sử dụng đất để nhận định “...các bên đương sự không tranh chấp, ..., việc cấp sổ nêu trên có sai sót, các đương sự có nghĩa vụ đến chính quyền địa phương đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đúng với thực tế sử dụng đất” là không có cơ sở và giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Bên cạnh đó, việc Bản án sơ thẩm dành quyền cho các đương sự liên hệ với chính quyền địa phương để đăng ký kê khai là không thể thi hành trên thực tế. Lẽ ra trong trường này nếu đương sự có tranh chấp phần diện tích đất này thì Tòa án mới làm rõ tính hợp pháp của việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bị đơn, trong trường hợp rõ ràng trái pháp luật và phải hủy một phần Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mới giải quyết đúng đắn vụ án thì phải đưa Ủy ban nhân dân huyện X vào tham gia tố tụng và xem xét thẩm quyền giải quyết vụ án. Do vậy cần hủy phần tuyên của Bản án sơ thẩm về việc dành quyền đăng ký kê khai của các đương sự đối với diện tích đất nói trên.

[3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Tô N, bà Trịnh Thị H để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn có yêu cầu đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá với tổng chi phí là 2.633.000đ (đã tạm nộp và được Tòa án cấp sơ thẩm quyết toán xong). Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên cần buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này là phù hợp.

[5] Về án phí:

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì đối với tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai nên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch; cấp sơ thẩm thông báo cho nguyên đơn nộp tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là chưa phù hợp, cần rút kinh nghiệm.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên vợ chồng ông Tô T, bà Lê TH phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên vợ chồng ông Tô N, bà Trịnh Thị H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 2, 4 Điều 308, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Tô N, bà Trịnh Thị H, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Tô T, bà Lê TH về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất” đối với phần đất có diện tích 4,34m² thuộc thửa 104, tờ bản đồ số 31 (cũ), tọa lạc tại thôn C, xã A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng với vợ chồng ông Tô N, bà Trịnh Thị H.

Vợ chồng ông Tô N, bà Trịnh Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất nói trên; cụ thể: thửa 01 có diện tích $4m^2$ (có chiều rộng theo quốc lộ 20 là 0,36m và chiều dài là 12,8m) và thửa 02 có diện tích $0,34m^2$ (có chiều rộng mặt sau là 0,3m và chiều dài là 2,3m); tổng cộng là $4,34m^2$.

(Có họa đồ đo đạc chính lý Bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X thực hiện ngày 22/3/2021 kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, điều chỉnh lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với diện tích nói trên theo quy định của pháp luật.

2. Hủy phần tuyên “Đối với phần diện tích đất $119,1m^2$, sổ đỏ cấp không đúng với thực tế sử dụng đất, các đương sự có nghĩa vụ đến chính quyền địa phương đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật” của Bản án sơ thẩm. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với nội dung này.

3. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Tô T, bà Lê TH phải chịu 2.633.000đ chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã tạm nộp và quyết toán xong).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Tô T, bà Lê TH phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 3.750.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0019526 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông T, bà TH được nhận lại số tiền 3.450.000đ án phí còn thừa.

- Án phí phúc thẩm: Vợ chồng ông Tô N, bà Trịnh Thị H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; vợ chồng ông N, bà H được nhận lại số tiền 600.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004990 và số AA/2017/0004991 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Châu Thạch